

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (LẦN 2)**  
**Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024**

Mã học phần: DAC0210

Tên học phần: Kế toán Công

Mã nhóm lớp học phần: 231\_DAC0210\_01

Thời gian làm bài (phút): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có  (**Chỉ sử dụng Tài liệu giấy**) Không

**Cách thức nộp bài phần tự luận:** Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 ĐIỂM): (10 câu x 0,4 điểm/câu)**

**Câu 1c:** Đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước phải lập báo cáo nào sau đây vào cuối kỳ kế toán năm?

- A. Báo cáo tài chính và Báo cáo quyết toán.
- B. Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động.
- C. Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo quyết toán.
- D. Báo cáo tài chính và Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động

ANSWER: A

**Câu 2c:** Đối tượng kế toán nào của đơn vị Hành chính sự nghiệp khác so với đối tượng kế toán của doanh nghiệp?

- A. Nguồn kinh phí
- B. Hàng tồn kho.
- C. Đầu tư tài chính.
- D. Khấu hao và hao mòn.

ANSWER: A

**Câu 3c:** Cuối năm kết chuyển số vaccine đã xuất dùng trong năm. Biết tồn đầu là 20.000 lọ vaccine trị giá 1.000.000.000đ, cuối năm tồn kho còn 1.000 lọ trị giá 50.000.000đ, kế toán ghi nhận:

- A. Nợ TK 3661: 950.000.000/Có TK 511: 950.000.000

- B.** Nợ TK 611: 950.000.000/Có TK 152: 950.000.000
- C.** Nợ TK 3371: 950.000.000/Có TK 511: 950.000.000
- D.** Nợ TK 3371: 950.000.000/Có TK 3661: 950.000.000

ANSWER: A

**Câu 4c:** Tài sản nào sau đây thuộc đối tượng ghi nhận hao mòn:

- A.** Tài sản cố định được hình thành từ nguồn ngân sách
- B.** Tài sản cố định đặc thù
- C.** Tài sản cố định bảo quản hộ, giữ hộ
- D.** Tài sản cố định chưa tính hết hao mòn nhưng đã hỏng không còn tiếp tục sử dụng được

ANSWER: A

**Câu 5c:** Tạm chi kinh phí tiết kiệm bằng tiền gửi ngân hàng, kế toán ghi:

- A.** Nợ TK 137/Có TK 112
- B.** Nợ TK 337/Có TK 112
- C.** Nợ TK 611/Có TK 112
- D.** Nợ TK 353/Có TK 112

ANSWER: A

**Câu 6c:** Số chi hoạt động không được duyệt phải thu hồi, kế toán ghi:

- A.** Nợ TK 138/Có TK 611
- B.** Nợ TK 611/Có TK 138
- C.** Nợ TK 338/Có TK 611
- D.** Nợ TK 138/Có TK 711

ANSWER: A

**Câu 7c:** Nhận định nào sau đây ĐÚNG:

- A.** Dự toán chi hoạt động được theo dõi trên tài khoản 008
- B.** TK 511 dùng để theo dõi các khoản thu trong năm từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị HCSN.
- C.** Tài khoản thu hoạt động do NSNN cấp không cần phải theo dõi chi tiết
- D.** Chi phí phát sinh cho hoạt động thường xuyên chưa thanh toán, kế toán ghi: Nợ TK 611/Có TK 131

ANSWER: A

**Câu 8c:** Bút toán nào sau đây phản ánh nghiệp vụ cuối tháng trích khấu hao 1 TSCĐ hữu hình có NG 240.000.000đ, tỷ lệ trích khấu hao là 10%/năm. Biết tài sản này 70% phục vụ hoạt động sản xuất còn lại phục vụ hoạt động quản lý kinh doanh.

- A. Nợ TK 642: 600.000, Nợ TK 154: 1.400.000/Có TK 214: 2.000.000
- B. Nợ TK 642: 2.000.000/Có TK 214: 2.000.000
- C. Nợ TK 642: 7.200.000, Nợ TK 154: 16.800.000/Có TK 214: 24.000.000
- D. Nợ TK 642: 24.000.000/Có TK 214: 24.000.000

ANSWER: A

**Câu 9d:** Trường hợp nào kế toán KHÔNG ghi nhận Có TK 511?

- A. Chi tiền mặt (từ nguồn ngân sách cấp) tạm ứng cho cán bộ đi công tác
- B. Rút dự toán tiền gửi ngân hàng để thanh toán lương
- C. Chuyển khoản tiền (từ nguồn ngân sách cấp) thanh toán chi phí vận chuyển mua công cụ dụng cụ nhập kho.
- D. Cuối kỳ kết chuyển số vật liệu đã xuất dùng trong kỳ phục vụ cho hoạt động thường xuyên.

ANSWER: A

**Câu 10c:** Bút toán đơn nào sau đây phản ánh nghiệp vụ nộp trả lại ngân sách nhà nước 36.000.000đ số kinh phí đã nhận bằng lệnh chi tiền thực chi không sử dụng hết:

- A. Nợ TK 012: (36.000.000)
- B. Nợ TK 012: 36.000.000
- C. Có TK 012: (36.000.000)
- D. Có TK 012: 36.000.000

ANSWER: A

### **PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)**

Trích dữ liệu kế toán tại một đơn vị HCSN X như sau:

- **Chính sách kế toán áp dụng:**
  - Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn;
  - Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- **Số dư ngày 01/12/N của một số tài khoản như sau:**
  - TK 00821: 1.000.000.000đ
  - TK 2412 (Văn phòng làm việc): 800.000.000đ
  - TK3664: 800.000.000đ

- TK 0142: 2.500.000.000đ
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

- **Trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12/N**

**1c.** Ngày 01, chuyển khoản 1.200.000.000đ tiền từ nguồn phí được khấu trừ, để lại thanh toán tiền cho bên xây dựng phòng làm việc phục vụ công tác thu phí lệ phí. **(1,25 điểm)**

**2c.** Ngày 05, thu tiền cho thuê căn tin là 50.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và tiền thu phí lệ phí là 200.000.000đ, trong đó 60% là nhận chuyển khoản, 20% nhận bằng tiền mặt, còn lại chưa thu. Số lệ phí phải nộp ngân sách nhà nước là 40%, còn lại được khấu trừ để lại **(1,75 điểm)**

**3c.** Ngày 06, chuyển khoản tiền chi trả lương cho cán bộ tham gia công tác thu phí lệ phí tháng trước là 103.000.000đ **(0,75 điểm)**

**4c.** Ngày 30, phòng làm việc phục vụ công tác thu phí được xây dựng hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, giá trị quyết toán đúng bằng kinh phí phát sinh xây dựng. **(1,0 điểm)**

**5c.** Ngày 31, đơn vị chuyển tiền thanh toán tiền điện tháng này là 13.200.000đ đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT dùng phục vụ hoạt động thu phí lệ phí biết nguồn tiền chi ra là từ số thu phí lệ phí được giữ lại **(1,25 điểm)**

**Yêu cầu: Ghi số nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị**

**ĐÁP ÁN TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**1c.** Ngày 01, chuyển khoản 1.200.000.000đ tiền từ nguồn phí được khấu trừ, để lại thanh toán tiền cho bên xây dựng phòng làm việc phục vụ công tác thu phí lệ phí. **(1,25 điểm)**

- **Chuyển khoản xây dựng cơ bản: (0,5 điểm)**

Nợ TK 2412	1.200.000.000
Có TK 112	1.200.000.000

- **Đồng thời ghi: (0,5 điểm)**

Nợ TK 3373	1.200.000.000
Có TK 3664	1.200.000.000

- **Đồng thời ghi: (0,25 điểm)**

Có TK 0142	1.200.000.000
------------	---------------

- **Phản ánh về số thu tiền bán hồ sơ thầu: (0,5 điểm)**

Nợ TK 111	2.500.000
-----------	-----------

Có TK 711                    2.500.000

**2c.** Ngày 05, thu tiền cho thuê căn tin là 20.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng và tiền thu phí lệ phí là 200.000.000đ, trong đó 60% là nhận chuyển khoản, 20% nhận bằng tiền mặt, còn lại chưa thu. Số lệ phí phải nộp ngân sách nhà nước là 40%, còn lại được khấu trừ để lại **(1,75 điểm)**

- Thu tiền cho thuê căn tin : **(0,5 điểm)**

Nợ TK 112    20.000.000

          Có TK 531                    20.000.000

- Thu phí lệ phí: **(0,5 điểm)**

Nợ TK 112    120.000.000

Nợ TK 111    40.000.000

Nợ TK 1383 40.000.000

          Có TK 3373                    200.000.000

- Số lệ phí phải nộp lại ngân sách: **(0,5 điểm)**

Nợ TK 3373                    80.000.000

          Có TK 3332                    80.000.000

- Số lệ phí được giữ lại: **(0,25 điểm)**

Nợ TK 014    120.000.000

**3c.** Ngày 06, chuyển khoản tiền chi trả lương cho cán bộ tham gia công tác thu phí lệ phí tháng trước là 103.000.000đ **(0,75 điểm)**

- Chuyển khoản: **(0,5 điểm)**

Nợ TK 334                    103.000.000

          Có TK 112                    103.000.000

- Đồng thời ghi: **(0,25 điểm)**

          Có TK 0141                    103.000.000

**4c.** Ngày 30, phòng làm việc phục vụ công tác thu phí được xây dựng hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, giá trị quyết toán đúng bằng kinh phí phát sinh xây dựng. **(1,0 điểm)**

- Nghiệm thu phòng làm việc: **(0,5 điểm)**

Nợ TK 211                    2.000.000.000

          Có TK 2412                    2.000.000.000

- Đồng thời ghi: **(0,5 điểm)**

Nợ TK 3664                    2.000.000.000

Có TK 36631            2.000.000.000

**5c.** Ngày 31, đơn vị chuyển tiền thanh toán tiền điện tháng này là 13.200.000đ đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT dùng phục vụ hoạt động thu phí lệ phí biết nguồn tiền chi ra là từ số thu phí lệ phí được giữ lại(**1,25 điểm**)

**- Chuyển khoản : (0,5 điểm)**

Nợ TK 614    13.200.000

Có TK 112            13.200.000

**- Đồng thời ghi: (0,25 điểm)**

Có TK 0141 13.200.000

**- Đồng thời ghi: (0,5 điểm)**

Nợ TK 3373            13.200.000

Có TK 514            13.200.000

*Ngày biên soạn: 09/11/2023*

**Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Lê Ngọc Anh**

*Ngày kiểm duyệt: 13/11/2023*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: ThS. Phan Minh Nguyệt**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhật Linh (**0918.01.03.09**).

Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.